

Số: 2350/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ và Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí địa lý, quy mô, ranh giới

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (sau đây gọi là Vùng) bao gồm thành phố Đà Nẵng và 07 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, có diện tích tự nhiên: 44.376,9 km², vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;
- Phía Nam giáp các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Quan điểm phát triển

a) Phát triển du lịch Vùng phù hợp với Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam; với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và thống nhất với các quy hoạch ngành có liên quan trong khu vực quy hoạch.

b) Phát triển đồng thời du lịch biển - đảo, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái; trong đó lấy du lịch biển - đảo làm mũi nhọn; du lịch văn hóa là nền tảng, tập trung vào các giá trị văn hóa Chăm Pa, Sa Huỳnh, văn hóa của cư dân vùng biển duyên hải Miền Trung, văn hóa các dân tộc phía Đông dãy Trường Sơn, các di tích gắn với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, để phát triển các loại hình du lịch đặc thù của Vùng.

c) Tập trung phát triển du lịch Vùng có chiều sâu, theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp để bảo đảm sản phẩm du lịch có thương hiệu và tính cạnh tranh cao.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển du lịch với bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường; tăng cường liên kết phát triển du lịch giữa các địa phương trong Vùng để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về du lịch chung toàn Vùng.

đ) Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển du lịch, huy động các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch.

3. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của Vùng để phát triển du lịch biển - đảo trở thành thế mạnh hàng đầu của du lịch Việt Nam. Phát triển các đô thị du lịch hiện đại, các khu du lịch, điểm du lịch quốc gia với các cơ sở dịch vụ cao cấp.

Đến năm 2020 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và phấn đấu đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Vùng, góp phần khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển và hải đảo Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về các chỉ tiêu phát triển ngành

+ Khách du lịch: Đến năm 2020 thu hút khoảng 15 triệu lượt khách, trong đó khoảng 4,5 triệu lượt khách quốc tế; phấn đấu đến năm 2030 thu hút khoảng 25 triệu lượt khách, trong đó khoảng 7,5 triệu lượt khách quốc tế.

+ Tổng thu từ khách du lịch: Đến năm 2020 đạt khoảng 70.000 tỷ đồng; phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 160.000 tỷ đồng.

- Cơ sở lưu trú du lịch: Đến năm 2020 có trên 95.000 buồng khách sạn, trong đó tỷ lệ buồng đạt tiêu chuẩn từ 3 sao đến 5 sao chiếm khoảng 15%; phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 140.000 buồng khách sạn, trong đó tỷ lệ buồng đạt tiêu chuẩn từ 3 sao đến 5 sao chiếm khoảng 30%.

- Chỉ tiêu việc làm: Đến năm 2020 tạo việc làm cho trên 400.000 lao động, trong đó hơn 130.000 lao động trực tiếp; phấn đấu đến năm 2030 tạo việc làm cho khoảng 700.000 lao động, trong đó khoảng 230.000 lao động trực tiếp.

4. Các định hướng phát triển chủ yếu

a) Phát triển đồng thời thị trường khách du lịch nội địa và thị trường khách du lịch quốc tế.

- Thị trường khách du lịch quốc tế:

+ Thu hút, phát triển mạnh thị trường Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan); thị trường Nga và các nước Đông Âu và thị trường các nước Đông Nam Á;

+ Duy trì khai thác thị trường truyền thống từ: Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ và Châu Úc;

+ Mở rộng thị trường mới: Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, các nước đến từ khu vực Trung Đông...

- Thị trường khách du lịch nội địa:

+ Phát triển mạnh thị trường du lịch nội Vùng; thị trường khách đến từ thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên; chú trọng thị trường khách du lịch với mục đích nghỉ dưỡng, giải trí, nghỉ cuối tuần, lễ hội, tâm linh, mua sắm;

+ Khuyến khích phát triển, mở rộng thị trường du lịch theo chuyên đề và du lịch kết hợp công vụ.

b) Phát triển sản phẩm du lịch

Khai thác các tiềm năng và lợi thế của Vùng để hình thành các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có sức cạnh tranh cao; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ lễ hành, lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí.

- Ưu tiên phát triển các nhóm sản phẩm chính:

+ Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển.

+ Nhóm sản phẩm du lịch gắn với di sản văn hóa thế giới.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch với các sản phẩm bổ trợ như du lịch hội nghị, hội thảo; du lịch tàu biển; du lịch thể thao biển; du lịch sinh thái biển; du lịch khám phá thiên nhiên; du lịch tham quan; du lịch văn hóa ẩm thực; du lịch đô thị; du lịch chữa bệnh, làm đẹp; du lịch cộng đồng; du lịch nông thôn, nông nghiệp; du lịch lễ hội, tâm linh...

c) Tổ chức không gian phát triển du lịch

- Không gian phát triển du lịch

+ Tiểu vùng du lịch phía Bắc: Gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định; với hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng, gồm: Du lịch di sản văn hóa thế giới gắn với đô thị cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn, các giá trị văn hóa Chăm Pa, Sa Huỳnh, tham quan di tích lịch sử gắn với các cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc; nghỉ dưỡng biển - đảo; hội nghị, hội thảo; sinh thái, vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ cuối tuần; lễ hội, tâm linh...

+ Tiểu vùng du lịch phía Nam: Gồm các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; với hướng khai thác sản phẩm du lịch đặc trưng, gồm: nghỉ dưỡng biển - đảo; du lịch văn hóa gắn với các giá trị văn hóa Chăm Pa, văn hóa các dân tộc phía Đông dãy Trường Sơn; sinh thái nông nghiệp, nông thôn; lễ hội, tâm linh...

- Khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch và trung tâm du lịch

+ Tập trung đầu tư phát triển 09 Khu du lịch quốc gia, gồm: Sơn Trà, Bà Nà (Đà Nẵng), Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Mỹ Khê (Quảng Ngãi), Phương Mai (Bình Định), Vịnh Xuân Đài (Phú Yên), Bắc Cam Ranh (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận) và Mũi Né (Bình Thuận); 06 điểm du lịch quốc gia, gồm: Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Mỹ Sơn (Quảng Nam), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Trường Lũy (Quảng Ngãi, Bình Định), Trường Sa (Khánh Hòa) và Phú Quý (Bình Thuận) và 04 đô thị du lịch, gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Hội An (Quảng Nam), thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) và thành phố Phan Thiết (Bình Thuận).

+ Trung tâm du lịch: Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch của Vùng và tiểu vùng du lịch phía Bắc; thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) thành trung tâm du lịch của tiểu vùng du lịch phía Nam, đồng thời giữ vai trò trung tâm phụ trợ của Vùng; thành phố Quy Nhơn (Bình Định) thành trung tâm phụ trợ của tiểu vùng du lịch phía Bắc và thành phố Phan Thiết (Bình Thuận) thành trung tâm phụ trợ của tiểu vùng du lịch phía Nam.

- Các tuyến du lịch

+ Tuyến du lịch nội vùng:

Tuyến du lịch chính: bao gồm các quốc lộ lớn kết nối các trung tâm du lịch Vùng, trung tâm tiểu vùng, trung tâm du lịch của các địa phương với các khu du lịch, điểm du lịch trong Vùng.

Tuyến du lịch phụ trợ: là các tuyến du lịch nối từ trung tâm du lịch tiểu vùng, trung tâm du lịch của các địa phương, đô thị du lịch đến các điểm du lịch phụ cận trong không gian tiểu vùng.

Dựa trên hệ thống tuyến nội vùng hình thành và khai thác các tuyến du lịch chuyên đề: sinh thái biển, khám phá biển - đảo ven bờ và xa bờ; du khảo đồng quê, tham quan làng nghề nông nghiệp, nông thôn; du lịch đường sông...

+ Tuyến du lịch liên vùng theo đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không, kết nối đến các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh phía Nam; vùng Bắc Trung Bộ và các tỉnh phía Bắc.

Dựa trên hệ thống tuyến du lịch liên vùng tiếp tục khai thác các tuyến du lịch chuyên đề: tuyến du lịch “Con đường Di sản ASEAN” kết nối với tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên” và “Đường Hồ Chí Minh huyền thoại” và tuyến du lịch tham quan các di tích lịch sử - văn hóa Chăm Pa.

+ Phát triển tuyến du lịch quốc gia dựa trên việc mở rộng các tuyến du lịch liên vùng gắn với hệ thống các cảng hàng không quốc tế là Đà Nẵng, Cam Ranh (Khánh Hòa) và Chu Lai (Quảng Nam); tuyến đường sắt và đường bộ xuyên Á; các tuyến quốc lộ: 1A, 9 và 19 thuộc hành lang Đông - Tây nối với hệ thống cửa khẩu quốc tế đường bộ Lao Bảo (Quảng Trị), Cha Lo (Quảng Bình), Bờ Y (Kon Tum), Lệ Thanh (Gia Lai) và tuyến đường thủy thông qua các cảng biển: Tiên Sa (Đà Nẵng), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang, Cam Ranh (Khánh Hòa).

d) Đầu tư phát triển du lịch

- Vốn đầu tư từ ngân sách (kể cả vốn ODA), vốn FDI, vốn huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước được bố trí căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm và theo tiến độ từng giai đoạn.

- Các chương trình và dự án đầu tư: Ưu tiên đầu tư phát triển 09 khu du lịch quốc gia, 06 điểm du lịch quốc gia trong Vùng. Đầu tư 04 chương trình phát triển du lịch: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch vùng; bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên và phát triển hạ tầng du lịch then chốt.

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách

Nghiên cứu, hoàn thiện và áp dụng hệ thống các cơ chế chính sách đặc thù trong các lĩnh vực: đầu tư phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, phát triển thị trường, xã hội hóa du lịch, phát triển gắn với bảo tồn và phát triển bền vững và cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành.

b) Giải pháp đầu tư phát triển du lịch

- Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển du lịch, theo hướng: ưu tiên tập trung vốn để phát triển cơ sở hạ tầng các khu du lịch, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh huy động nguồn vốn ODA thông qua vay ưu đãi nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu Chính phủ cho các công trình đầu tư lớn như: sân bay, đường cao tốc, cảng tàu du lịch; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để thu hút tài trợ cho các chương trình phát triển dài hạn.

- Huy động tối đa các nguồn vốn, phát huy triệt để nguồn lực tài chính trong nhân dân, tiềm lực tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước để bảo đảm đủ nguồn vốn khác cho phát triển du lịch.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch

- Phát triển đội ngũ nhân lực du lịch đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, bảo đảm về chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch cao cấp và bền vững của Vùng.

- Cụ thể hóa Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch trên địa bàn vùng bằng các kế hoạch, chương trình phát triển nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch từng địa phương.

- Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, đào tạo viên, thẩm định viên nghề du lịch; chú trọng đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; tăng cường công tác đào tạo tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của từng địa phương và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch để nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư về du lịch và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.

d) Giải pháp hợp tác, liên kết phát triển du lịch

- Tăng cường khả năng và tạo môi trường liên kết thuận lợi, bình đẳng giữa các địa phương trong vùng.

- Thực hiện liên kết chặt chẽ trong vùng về đầu tư phát triển du lịch, xây dựng các chương trình du lịch chung của vùng, liên kết trong quảng bá xúc tiến du lịch vùng và liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng mô hình liên kết trong đó xác định vai trò và nhiệm vụ từng chủ thể liên kết đối với cơ quan quản lý du lịch ở Trung ương, chính quyền các địa phương và doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong Vùng, với các Vùng và các địa phương khác trong cả nước; giữa du lịch với các ngành, lĩnh vực liên quan, đặc biệt với Công an, Bộ đội Biên phòng để bảo đảm an toàn cho khách du lịch, góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch để góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

đ) Giải pháp tổ chức quản lý quy hoạch

- Tăng cường phối hợp, liên kết công tác quản lý nhà nước về du lịch giữa Trung ương và các địa phương trong vùng:

+ Tiếp tục phát huy vai trò của của Ban chỉ đạo phát triển du lịch các địa phương, đặc biệt Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch trong việc phối hợp liên ngành, liên tỉnh.

+ Phối hợp, liên kết trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý tài nguyên, phát triển nhân lực du lịch.

- Thực hiện phân cấp quản lý triệt để và thống nhất: Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương quản lý theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm ngành; các địa phương trong Vùng trực tiếp quản lý tài nguyên và phát triển du lịch theo quy hoạch ngành, phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành.

e) Giải pháp xúc tiến, quảng bá

- Tăng cường nguồn lực cho hoạt động xúc tiến quảng bá: tăng cường vốn ngân sách cho xúc tiến, quảng bá du lịch, xây dựng hình ảnh và thương hiệu du lịch Vùng; đẩy mạnh việc tuyên truyền thực hiện xã hội hóa để huy động mọi nguồn lực cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch: Tập trung xúc tiến, quảng bá du lịch Vùng theo chiến dịch trọng điểm, bằng nhiều hình thức, đa dạng cả trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông, huy động sự hợp tác của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tham gia xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch Vùng để cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin phục vụ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

g) Giải pháp phát triển thị trường - sản phẩm và xây dựng thương hiệu du lịch Vùng

- Xây dựng chiến lược về thị trường khách; các cơ chế, chính sách phát triển thị trường trong đó ưu tiên phát triển thị trường gần, duy trì thị trường truyền thống và hướng tới thị trường mở rộng để phát triển du lịch một cách ổn định và bền vững; thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để nắm bắt đặc điểm, thị hiếu từng thị trường từ đó có kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch phù hợp.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo từng tiểu vùng và địa phương; huy động mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch để góp phần phát huy hiệu quả của công tác xã hội hóa phát triển du lịch; phát triển mạnh sản phẩm du lịch chuyên đề để tăng thời gian lưu trú của khách du lịch.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với việc phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng, có tính cạnh tranh cao; tiến tới xây dựng thương hiệu “Nghỉ dưỡng biển” thành thương hiệu du lịch đặc trưng của Vùng.

h) Giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của tài nguyên và môi trường đối với hoạt động du lịch.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để kiểm soát các vấn đề về môi trường, quản lý tài nguyên và phát triển du lịch.

- Khuyến khích các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường; khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng tham gia đầu tư phát triển du lịch, chia sẻ lợi ích và trách nhiệm trong việc khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng thích ứng và công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và hiện tượng nước biển dâng trong hoạt động du lịch Vùng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch

Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch chỉ đạo hoạt động của các Bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương trong vùng trong việc giải quyết những vấn đề mang tính liên ngành, liên tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch.

b) Chủ trì xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia mang tính liên tỉnh hoặc có vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh trên địa bàn Vùng.

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong mọi hoạt động du lịch; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích đầu tư và tổ chức các hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực du lịch của Vùng trên cơ sở Danh mục dự án ưu tiên đầu tư đính kèm Quyết định này.

Căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện quy hoạch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng có thể thống nhất việc điều chỉnh tên, quyết định bổ sung hoặc giảm bớt dự án ưu tiên đầu tư.

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động phát triển du lịch cho các giai đoạn 5 năm phù hợp định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng.

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án chuyên ngành văn hóa, thể thao phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng.

e) Hướng dẫn các địa phương trong Vùng xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh; quy hoạch các khu, điểm du lịch địa phương.

g) Tiến hành sơ kết hằng năm, đề xuất các chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp thực tế; báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển vùng, cụ thể:

- Tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình hành động của ngành với việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng;

- Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của ngành thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng;

- Phối hợp có hiệu quả với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ động triển khai và mở rộng liên kết với các địa phương trong Vùng trong công tác xúc tiến, quảng bá để thu hút khách du lịch và kêu gọi đầu tư du lịch;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng của Vùng; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong Vùng;

- Căn cứ nội dung Quy hoạch tổng thể du lịch Vùng tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư phù hợp và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong Vùng;

- Chỉ đạo, quản lý việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch đặc biệt đối với những khu vực được định hướng phát triển thành khu du lịch, điểm du lịch quốc gia;

- Chú trọng công tác trật tự an toàn giao thông nhằm cải thiện an toàn cho du khách, nâng cao hình ảnh du lịch Vùng và địa phương;

- Giáo dục quần chúng nhân dân gìn giữ và phát huy giá trị tài nguyên du lịch hướng tới mục tiêu phát triển bền vững;

- Thực hiện xã hội hóa phát triển du lịch để phát huy sức mạnh các thành phần kinh tế cho phát triển du lịch;

- Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của quy hoạch, thiết lập kênh trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cấp quản lý trong lãnh thổ để có được những phương án chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch, các nhà đầu tư thực hiện sát những tư tưởng phát triển chung của toàn Vùng;

- Thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư, khai thác phát triển du lịch.

5. Doanh nghiệp du lịch, Hiệp hội du lịch và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội khác

- Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Vùng, các doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn kinh phí cho công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cụ thể các khu du lịch, điểm du lịch, dự án đầu tư phát triển du lịch.

- Hiệp hội Du lịch và các tổ chức xã hội khác theo phạm vi chức năng hoạt động nắm bắt mục tiêu, quan điểm và định hướng trong Quy hoạch này để cụ thể hóa thành Chương trình hành động của mình.

- Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với ngành du lịch và chính quyền các địa phương trong Vùng trong việc quảng bá hình ảnh du lịch Vùng; vận động, tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân nâng cao nhận thức về du lịch, về quy hoạch du lịch và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.

- Cộng đồng dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch, cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng và các hoạt động bảo tồn, khai thác bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường du lịch theo các quy hoạch phát triển du lịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch;
- Tổng cục Du lịch (Bộ VHTTDL);
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 135



Vũ Đức Đam



Phụ lục

PHỤ LỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Phân kỳ thực hiện	
I	Đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia		
1	Khu du lịch Sơn Trà (Đà Nẵng)	Đến 2020	2021 - 2030
2	Khu du lịch Bà Nà (Đà Nẵng)		2021 - 2030
3	Khu du lịch Cù Lao Chàm (Quảng Nam)	Đến 2020	
4	Khu du lịch Mỹ Khê (Quảng Ngãi)		2021 - 2030
5	Khu du lịch Phương Mai (Bình Định)	Đến 2020	
6	Khu du lịch vịnh Xuân Đài (Phú Yên)		2021 - 2030
7	Khu du lịch Bắc Cam Ranh (Khánh Hòa)	Đến 2020	2021 - 2030
8	Khu du lịch Ninh Chữ (Ninh Thuận)	Đến 2020	2021 - 2030
9	Khu du lịch Mũi Né (Bình Thuận)	Đến 2020	
II	Đầu tư phát triển điểm du lịch quốc gia		
1	Điểm du lịch Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng)	Đến 2020	
2	Điểm du lịch Mỹ Sơn (Quảng Nam)	Đến 2020	
3	Điểm du lịch Lý Sơn (Quảng Ngãi)	Đến 2020	
4	Điểm du lịch Trường Lũy (Quảng Ngãi, Bình Định)		2021 - 2030
5	Điểm du lịch Trường Sa (Khánh Hòa)		2021 - 2030
6	Điểm du lịch Phú Quý (Bình Thuận)	Đến 2020	2021 - 2030
III	Các chương trình phát triển du lịch vùng		
1	Phát triển nguồn nhân lực	Đến 2020	2021 - 2030
2	Xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch vùng	Đến 2020	2021 - 2030
3	Bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên	Đến 2020	2021 - 2030
4	Phát triển hạ tầng du lịch then chốt	Đến 2020	2021 - 2030

Ghi chú: Quy mô, diện tích đất sử dụng của các khu, điểm du lịch và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.